

Số: 2774/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án:
Trường Tiểu học Đoàn Kết, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ



gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố Lai Châu Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trường Tiểu học Đoàn Kết, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Trường Tiểu học Đoàn Kết, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 867/TTr-TNMT ngày 24/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Trường Tiểu học Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **503.926.985 đồng.**

(Bằng chữ: Năm trăm linh ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng).

Trong đó:

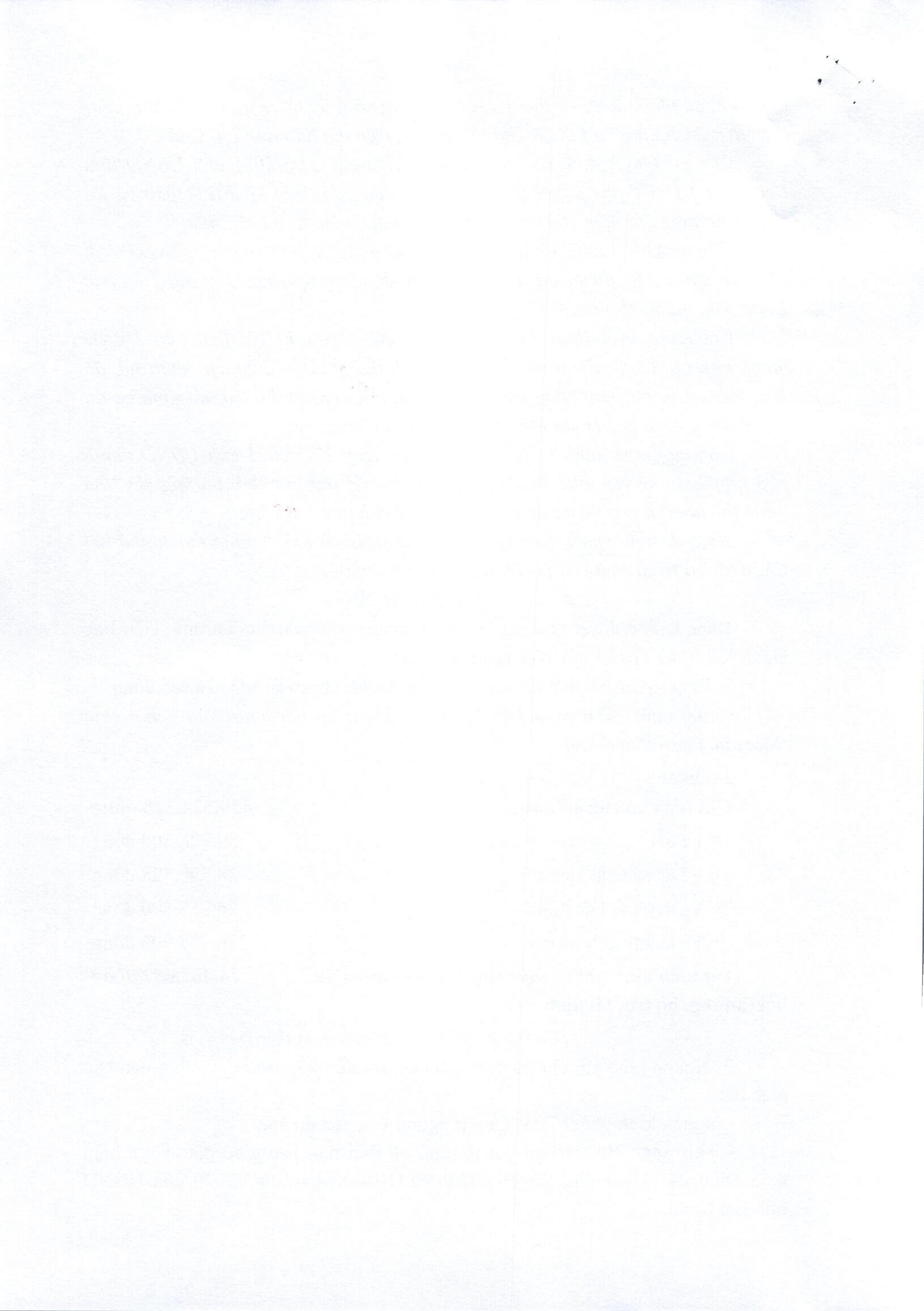
- Chi trả cho chủ sở hữu:	429.524.328 đồng
+ Về đất:	89.726.300 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	38.790.528 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	24.268.600 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	276.738.900 đồng
- Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	74.402.657 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án; Chủ tịch UBND phường Đoàn Kết; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



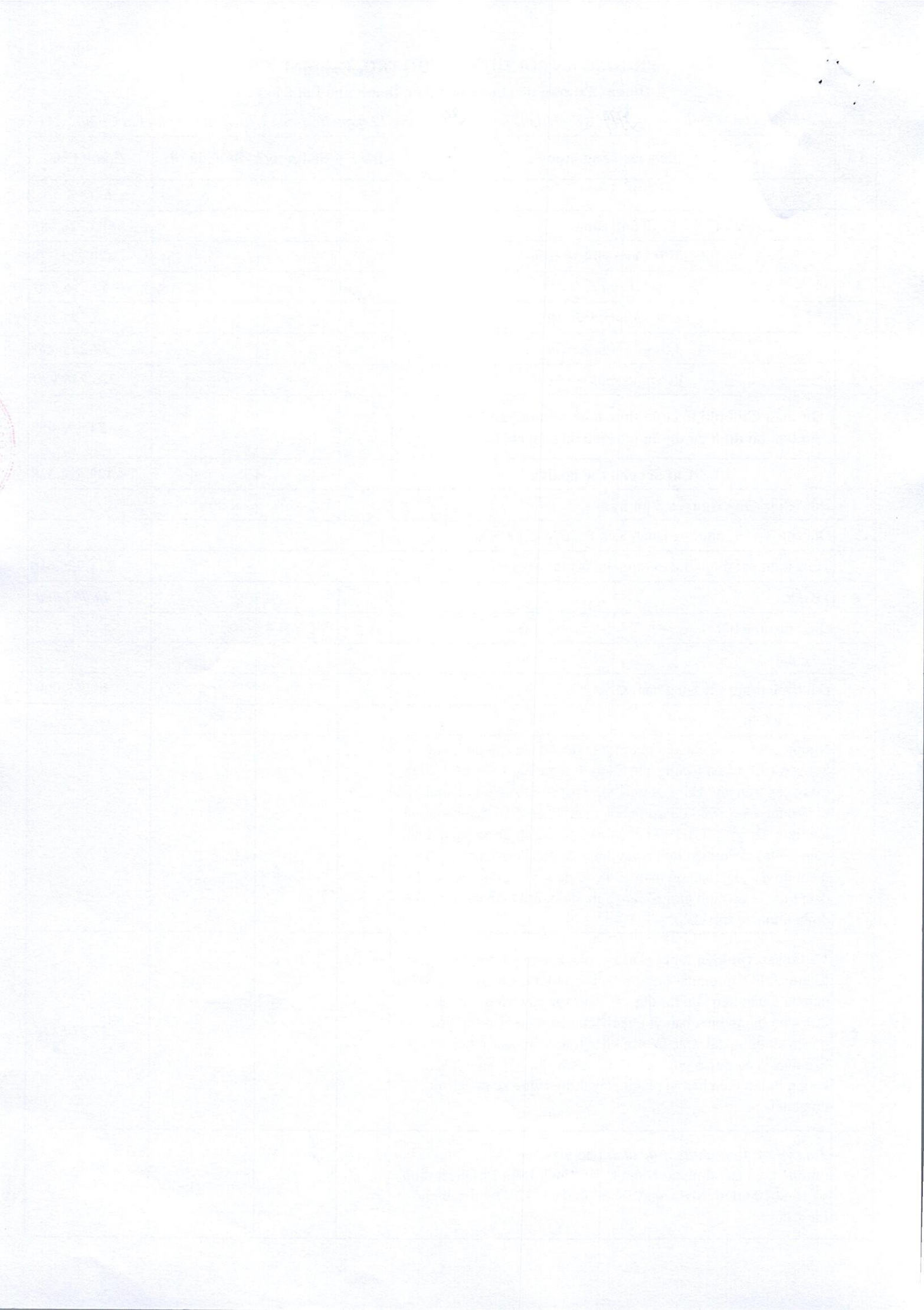
Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

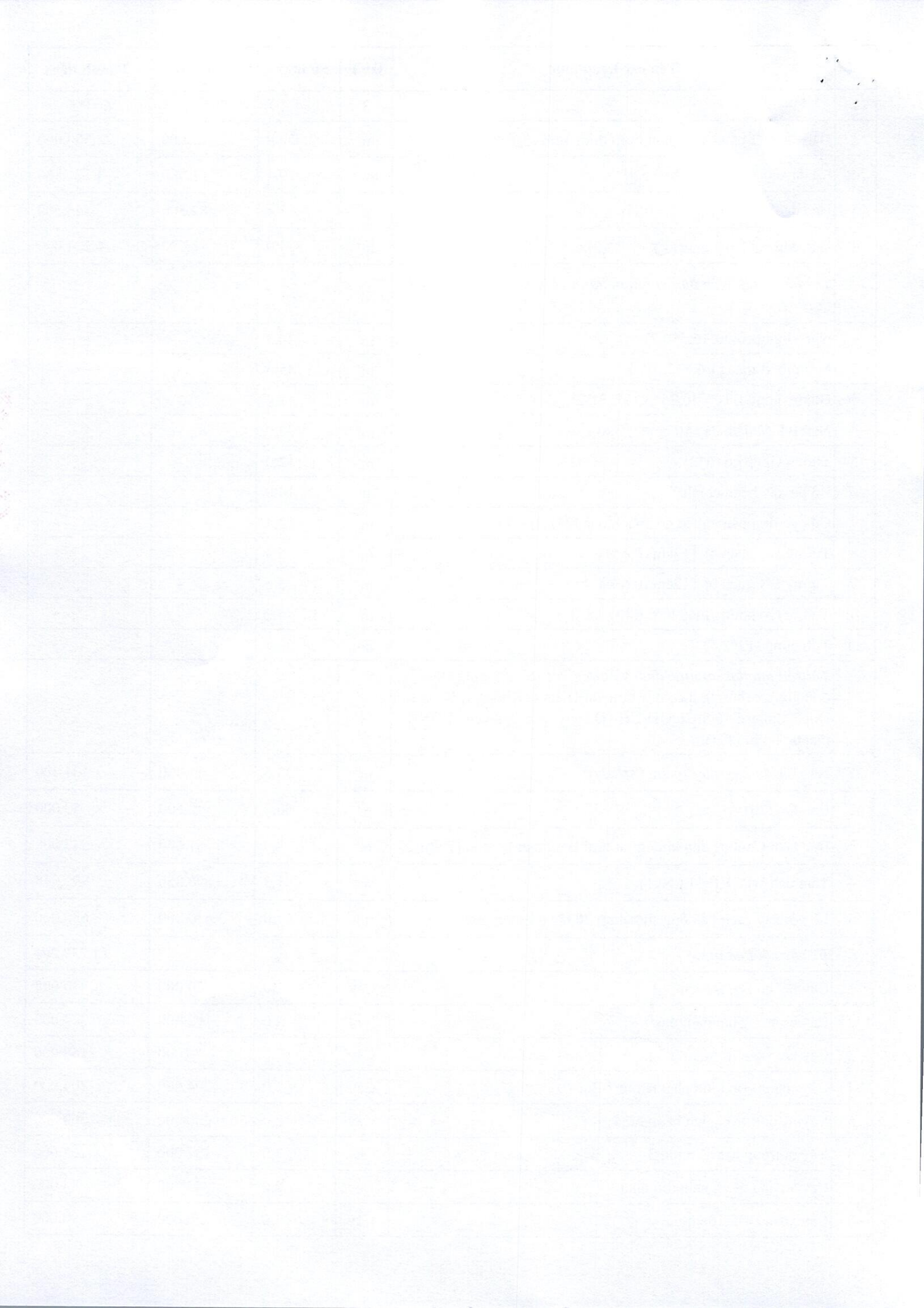
Dự án: Trường tiểu học Đoàn Kết, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: *2714* /QĐ-UBND ngày *24* tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4*5	
A	Tổng cộng				503.926.985	
1	Chi trả cho chủ sở hữu				429.524.328	
a	Về đất				89.726.300	
b	Về tài sản vật kiến trúc				38.790.528	
c	Về cây cối hoa màu				24.268.600	
d	Về chính sách hỗ trợ				276.738.900	
2	Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án (có biểu dự toán chi tiết kèm theo)				74.402.657	
B	Chi tiết cho các hộ dân				429.524.328	
1	Đối với hộ ông Nguyễn Văn Lâm					
	Địa chỉ: Tổ 11, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					211.925.016
a	Về đất				40.068.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.144,8			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	1.144,8	35.000	40.068.000	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất của gia đình ông Sùng A Chô và bà Hoàng Thị Dinh từ năm 2000 đến năm 2008 trồng cây trên đất. Đất của gia đình ông Sùng A Chô tự khai phá từ khoảng năm 1980 để trồng hoa màu. Phần diện tích chồng lấn lên thửa đất số 2, TBĐ 49 (Theo bản đồ địa chính xã Sùng Phài năm 1998) là do diện tích chưa được đo đạc chính xác tại thời điểm đo đạc, lập bản đồ năm 1998 và do sai số giữa các lần đo đạc, thực tế có ranh giới rõ ràng, gia đình ông Lâm sử dụng ổn định, không tranh chấp.					
b	Về tài sản vật kiến trúc: (Tài sản nhà khung cột tre do ông Chang A Hồ mượn đất ông Nguyễn Văn Lâm xây dựng tạm (lấn tạm để thuận tiện làm nương và chăm sóc cây trồng) từ năm 2019, có bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất. Các tài sản khác (đào đắp đất, lò vôi, kè đá, hào đào...) do ông Nguyễn Văn Lâm xây dựng từ năm 2001, không bị lập biên bản vi phạm, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất)				37.914.816	
	Tài sản sử dụng đúng mục đích (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo quy định tại Điểm c, Khoản 7, Điều 21 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND thành phố Lai Châu)					



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Đào đắp đất bằng máy di chuyển dưới 1km (2,0*1.025m ²)	m ³	2.050,0	11.000	22.550.000
2	Kè đá xếp khan (21*2,8*0,5)	m ³	29,4	141.900	4.171.860
3	Hào đào thủ công (15*0,9*0,4)	m ²	5,4	82.500	445.500
4	Đào đắp đất bằng máy (120m ² *3,2)	m ³	384,0	11.000	4.224.000
	Tài sản bị lập biên bản vi phạm hành chính, không được bồi thường				
1	Nhà khung cột tre (6,5*6,2)	m ²	40,3	-	-
2	Mái pro xi măng (6,5*7,0)	m ²	45,5	-	-
3	Giằng móng BTCT (0,25*0,12*23)*2	m ³	1,4	-	-
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,5*6)	m ²	33,0	-	-
5	Tường Ghép gỗ (6*2)	m ²	12,0	-	-
6	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	14,0	-	-
7	Cửa gỗ tính bằng ghép gỗ quanh nhà (2*1,2)	m ²	2,4	-	-
8	Tường xây gạch bi T12cm (0,6*9)	m ²	5,4	-	-
9	Tường xây gạch bi T12cm (0,6*6)	m ²	3,6	-	-
10	Tường rào khung thép lưới B40 (2,8*1,5)	m ²	4,2	-	-
11	Tôn bung (12*2,7)	m ²	32,4	-	-
	Tài sản tạo lập sai mục đích sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo quy định tại Điểm c, Khoản 7, Điều 21 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND thành phố Lai Châu)				
1	Nền BT đá dăm dày 10 cm (8*4,2)	m ²	33,6	41.800	1.404.480
2	Bạt dứa (20)	m ²	20,0	2.500	50.000
3	Bóc tách Chuồng chó khung sắt lưới B40, mái lợp tôn (7,4*1,2)	m ²	8,9	61.600	547.008
4	Tấm đan BTCT (8*1,6*0,1)	m ³	1,3	696.850	891.968
5	Lò vôi xây gạch đỏ công suất dưới 20 tấn (10 tấn/ đợt ra lò)	lò	1,0	3.630.000	3.630.000
c	Về cây cối hoa màu				13.738.200
1	Cây lấy gỗ D= 5-10cm	Cây	1,0	30.000	30.000
2	Cây bơ trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000
3	Cây lấy xoan trồng từ 2-5 năm	Cây	7,0	24.000	168.000
4	Cây chanh bán kính phát tán từ 1-2m	Cây	1,0	204.000	204.000
5	Cây mắc ca trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	280.000	560.000
6	Cây ôi trồng hạt năm thứ 3	Cây	2,0	132.000	264.000
7	Cây ăn quả trồng năm thứ nhất	Cây	2,0	42.000	84.000
8	Cây xoan D=5-10cm	Cây	3,0	30.000	90.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
9	Cây xoan trồng từ 2-5 năm	Cây	3,0	24.000	72.000
10	Cây xoài trồng hạt năm thứ 3	Cây	2,0	132.000	264.000
11	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 3	Cây	2,0	132.000	264.000
12	Cây mắc ca trồng hạt năm thứ 4	Cây	19,0	280.000	5.320.000
13	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	Cây	2,0	144.000	288.000
14	Cây mít trồng năm thứ 3	Cây	1,0	132.000	132.000
15	Cây mía cao dưới 1,2m	Cây	10,0	6.000	60.000
16	Cây mía cao trên 1,2m	Cây	27,0	9.000	243.000
17	Sản lượng ngô 600*5,3 tấn/ha/năm	Kg	318,0	7.000	2.226.000
18	Cây hồng trồng nt4	Cây	1,0	192.000	192.000
19	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 3	Cây	4,0	132.000	528.000
20	Cây bơ trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000
21	Cây si cảnh (tính bằng hoa cây cảnh cho thu hoạch)	m ²	4,0	48.000	192.000
22	Cây lấy gỗ trồng từ 2- 5 năm	Cây	8,0	24.000	192.000
23	Cây mít trồng năm thứ 3	Cây	4,0	132.000	528.000
24	Hàng rào cây sống	m	81,0	7.200	583.200
25	Cây xoan d = 5-10cm	Cây	2,0	30.000	60.000
26	Cây ôi trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000
27	Cây lấy gỗ d=10-25cm	Cây	1,0	42.000	42.000
d	Về chính sách hỗ trợ				120.204.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	1.144,8	105.000	120.204.000
2	Đối với hộ bà Vũ Thị Vui				
	Địa chỉ: Tổ 8, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				159.804.200
a	Về đất				37.107.300
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.002,9		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1.002,9	37.000	37.107.300
	Vị trí (VT1)				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Nguyễn Thị Vui từ năm 2002 (giấy tờ chuyển nhượng giữa 2 bên đã mất do bà Vũ Thị Vui bị cháy nhà năm 2008)). Đất bà Nguyễn Thị Vui được Xí nghiệp chè Tam Đường giao khoán theo hợp đồng số 60/13/HĐ ngày 26/3/1996. Phần diện tích đất thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	Về cây cối hoa màu				8.855.000
1	Sản lượng chè 350m ² * 23 tấn/ha/năm* 2 năm	kg	1.610,0	5.500	8.855.000
c	Về chính sách hỗ trợ				113.841.900
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm	m ²	1.002,9	111.000	111.321.900
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 15, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu); thu hồi từ 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp; hộ không phải di chuyển chỗ ở 01 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	180,0	14.000	2.520.000
3	Đối với hộ ông Vàng A Vứ				
	Địa chỉ: Bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				
					57.795.112
a	Về đất				12.551.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	358,6		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	358,6	35.000	12.551.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: UBND huyện Phong Thổ cũ cấp GCNQSD đất số Q020422 ngày 17/12/1999. Theo hồ sơ địa chính thửa đất số 59, TĐĐ số 1 (Tỷ lệ 1/2000) được UBND thị xã Lai Châu cấp GCNQSD đất số BDD ngày 12/8/2013 cho bà Sùng Thị Dao (sinh năm 1970, địa chỉ: Bản thành Lập, phường Đoàn Kết). Tuy nhiên thực tế thửa đất do gia đình ông Vàng A Vứ sử dụng ổn định từ năm 1999 đến nay không tranh chấp. Nguyên nhân cấp nhằm GCN cho bà Sùng Thị Dao là do quy chủ sử dụng không chính xác khi đo đạc, cấp GCNQSD đất năm 2013. Thửa đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do gia đình ông Vư tạo lập từ năm 2003, trước kế hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, sử dụng đúng mục đích sử dụng đất. Sử dụng ổn định không tranh chấp)				875.712
1	Kè đá xếp khan (8*0,4*1,4)	m ³	4,5	141.900	635.712
2	Hàng rào cọc tre	m	40,0	6.000	240.000
c	Về cây cối hoa màu				1.675.400
1	Cây lấy gỗ D= 5-10 Cm	cây	1,0	30.000	30.000
2	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ ba (ổi)	cây	1,0	132.000	132.000
3	Sản lượng ngô 340*5,3 tấn/ha/năm	Kg	180,2	7.000	1.261.400
4	Hàng rào cây sống	m	35,0	7.200	252.000
d	Về chính sách hỗ trợ				42.693.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	358,6	105.000	37.653.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 15, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu) (thu hồi 30% đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 02 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	360,0	14.000	5.040.000

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC HIỆN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Trường Tiểu học Đoàn Kết, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 2774/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

- Tổng cộng kinh phí bồi thường hỗ trợ tái định cư chi trả cho các hộ dân: 433.154.328 đồng

- Mức trích của dự án (Quy định tại Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu, Các dự án, tiểu dự án có giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến 500 triệu đồng, mức trích tối đa 10%.): 43.315.433 đồng

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ tái định cư của dự án	Trong đó:		Ghi chú
			Đã được phê duyệt	Kinh phí thẩm định bổ sung	
	Tổng cộng (I+II+III)	507.556.985	45.549.966	462.007.019	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	433.154.328		433.154.328	
II	Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (1+2+3+4)	74.402.657	45.549.966	28.852.691	
1	Trung tâm PTQĐ thành phố tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	20.189.604		20.189.604	
2	Chi phí đo đạc địa chính khu đất phục vụ công tác bồi thường và cắm mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình (Đã được phê duyệt tại quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND thành phố Lai Châu)	25.948.759	25.948.759		
3	Chi phí Tư vấn xác định giá đất cụ thể (Đã phê duyệt tại quyết định số 301a/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND thành phố Lai Châu)	19.601.207	19.601.207		
4	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các cơ quan đơn vị liên quan (a+b+c+d)	8.663.087		8.663.087	
a	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	4.331.543		4.331.543	

Stt	Nội dung	Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ tái định cư của dự án	Trong đó:		Ghi chú
			Đã được phê duyệt	Kinh phí thẩm định bổ sung	
b	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của phòng Tài chính - Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể;	1.732.617		1.732.617	
c	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.	1.732.617		1.732.617	
d	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;	866.309		866.309	

. 1117 / 2

